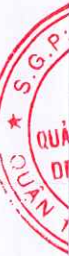




**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư  
Dragon Capital Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003

**Giấy phép Thành lập và Hoạt động số**

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020
39/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 6 năm 2021
76/GPĐC-UBCK	ngày 7 tháng 9 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Dominic Timothy Charles Scriven	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Tân	Phó Chủ tịch
Ông Beat Schurch	Thành viên
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Thành viên

**Ban Giám đốc** Ông Beat Schurch Tổng Giám đốc

**Ủy Ban Kiểm toán**

Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch
Ông Lê Anh Minh	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00298-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B01 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>31/12/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>825.917.962.519</b>	<b>729.276.386.535</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>175.182.514.811</b>	<b>77.912.790.881</b>
Tiền	111		2.182.514.811	6.312.790.881
Các khoản tương đương tiền	112		173.000.000.000	71.600.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>524.003.177.945</b>	<b>540.954.365.380</b>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		530.342.469.990	556.814.124.493
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(6.339.292.045)	(15.859.759.113)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>116.084.049.968</b>	<b>102.354.954.620</b>
Trả trước cho người bán	132		3.026.807.371	2.884.808.954
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	109.064.771.667	98.217.254.263
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	3.992.470.930	1.252.891.403
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.648.219.795</b>	<b>8.054.275.654</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	10.648.219.795	8.054.275.654

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>31/12/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>200.618.629.952</b>	<b>218.780.100.414</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.911.865.430</b>	<b>6.886.619.350</b>
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	6.911.865.430	6.886.619.350
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>142.845.666.094</b>	<b>101.072.769.248</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	7.638.979.351	11.025.980.547
Nguyên giá	222		22.897.988.082	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.259.008.731)	(11.872.007.535)
Tài sản cố định vô hình	227	9	125.919.525.423	76.300.686.002
Nguyên giá	228		157.624.983.794	89.257.491.279
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.705.458.371)	(12.956.805.277)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	9.287.161.320	13.746.102.699
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>61.673.965.798</b>
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		-	61.673.965.798
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>50.861.098.428</b>	<b>49.146.746.018</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	21.563.428.565	32.631.149.347
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	29.297.669.863	16.515.596.671
Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.026.536.592.471</b>	<b>948.056.486.949</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B01 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>204.398.725.110</b>	<b>139.588.100.048</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.398.725.110</b>	<b>139.588.100.048</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	312	15	6.104.591.021	4.423.637.259
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	56.227.285.909	58.280.635.408
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	136.488.074.717	72.577.983.352
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.578.773.463	4.305.844.029
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>822.137.867.361</b>	<b>808.468.386.901</b>
Vốn cổ phần	411	18	311.419.430.000	311.419.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	6.963.180.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.792.349.257	25.792.349.257
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	17.754.075.939
Lợi nhuận chưa phân phối	420		460.208.832.165	446.539.351.705
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.026.536.592.471</b>	<b>948.056.486.949</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>31/12/2022 VND</b>
Ngoại tệ các loại	005	20	1.328.174.928	898.436.704
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	21	8.995.003.354	9.728.002.053
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		8.995.003.354	9.728.002.053
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	22	313.678.607.753	880.868.561.976
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		313.678.607.753	880.868.561.976
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	23	51.130.624.358	131.564.813.336
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	24	587.668.868	437.224.640

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp  
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

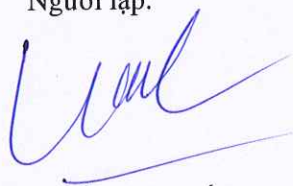
**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B02 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	25	1.017.167.909.020	1.107.834.760.253
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	30.597.350.400	27.743.635.790
Chi phí tài chính	22	27	(8.006.333.605)	17.775.702.235
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	684.712.404.112	562.823.469.069
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>371.059.188.913</b>	<b>554.979.224.739</b>
Thu nhập khác	31	29	25.161.364	159.340.687
Chi phí khác	32	30	-	1.135.000.000
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>25.161.364</b>	<b>(975.659.313)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>371.084.350.277</b>	<b>554.003.565.426</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	89.919.456.009	95.046.146.303
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(12.782.073.192)	17.146.263.173
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>293.946.967.460</b>	<b>441.811.155.950</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	9.439	14.187

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp  
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B03 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	1.006.320.391.616	1.130.787.572.152
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(188.824.584.174)	(176.549.588.831)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(279.628.045.727)	(318.545.906.235)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(92.861.460.734)	(97.573.201.670)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.367.905.994	11.502.368.166
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(118.843.636.664)	(144.620.391.983)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>330.530.570.311</b>	<b>405.000.851.599</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(64.644.005.925)	(67.395.813.666)
Tiền chi mua các công cụ nợ	23	-	(61.673.965.798)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	76.897.046.187	102.282.051.974
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25	-	(65.537.066.548)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.957.109.732	-
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	16.647.653.385	21.303.571.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>46.857.803.379</b>	<b>(71.021.222.314)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả cổ tức	36	(280.277.487.000)	(358.132.344.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(280.277.487.000)</b>	<b>(358.132.344.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>97.110.886.690</b>	<b>(24.152.715.215)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 4)</b>	<b>60</b>	<b>77.912.790.881</b>	<b>102.065.506.096</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>158.837.240</b>	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>175.182.514.811</b>	<b>77.912.790.881</b>

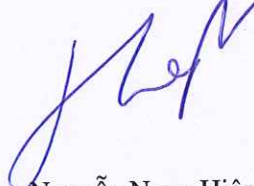
Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập:



**Ông Nguyễn Hữu Tuấn**  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



**Ông Nguyễn Ngọc Hiệp**  
Kế toán trưởng



**Ông Beat Schurch**  
Tổng Giám đốc



**Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B05 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	362.860.540.255	724.789.575.451
Lợi nhuận thuần trong năm Chia cổ tức	-	-	-	-	441.811.155.950 (358.132.344.500)	441.811.155.950 (358.132.344.500)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	446.539.351.705	808.468.386.901
Lợi nhuận thuần trong năm Chia cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	293.946.967.460 (280.277.487.000)	293.946.967.460 (280.277.487.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	460.208.832.165	822.137.867.361

Người lập:



**Ông Nguyễn Hữu Tuấn**  
*Kế toán tổng hợp*

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người duyệt:



**Ông Nguyễn Ngọc Hiệp**  
*Kế toán trưởng*



**Ông Bear Schurch**  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn cổ phần của Công ty là 311.419 triệu VND (31/12/2022: 311.419 triệu VND).

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 194 nhân viên (31/12/2022: 176 nhân viên), trong đó có 48 nhân viên (31/12/2022: 31 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Hình thức sổ kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 7 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, giá thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các trái phiếu doanh nghiệp này.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 - 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm     |

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí sửa chữa văn phòng**

Chi phí sửa chữa văn phòng được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm, trừ đi số tiền trợ cấp thôi việc đã được Công ty chi trả. Số năm làm việc của người lao động để tính trợ cấp thôi việc không bao gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

**(l) Thuế thu nhập**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Vốn cổ phần**

***Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo hướng dẫn của Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định của Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp lý có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc được sử dụng theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định pháp lý tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định có liên quan khác.

Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của các quỹ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Tài sản được nắm giữ theo hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(u) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho năm trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính năm hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	44.133.200	113.897.784
Tiền gửi ngân hàng	2.138.381.611	6.198.893.097
Các khoản tương đương tiền (*)	173.000.000.000	71.600.000.000
	<b>175.182.514.811</b>	<b>77.912.790.881</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 0,2% - 4,3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 6%).

**5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán kinh doanh (a)	494.964.486.802	510.192.706.548
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	35.377.983.188	46.621.417.945
	<b>530.342.469.990</b>	<b>556.814.124.493</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (c)	(6.339.292.045)	(15.859.759.113)
	<b>524.003.177.945</b>	<b>540.954.365.380</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023			31/12/2022		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết						
▪ DCIP(*)	26.713.848	249.000.000.000	285.042.905.226	-	249.000.000.000	265.803.858.840
▪ DCBF(*)	7.574.112	164.771.780.254	192.303.605.403	-	180.000.000.000	192.555.802.909
Chứng chỉ quỹ niêm yết						
▪ FUEDCMID(*)	6.900.000	65.537.066.548	75.210.000.000	-	65.537.066.548	55.890.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết						
▪ THA	655.200	15.655.640.000	9.316.347.955	655.200	15.655.640.000	9.747.394.350
		494.964.486.802	561.872.858.584		510.192.706.548	523.997.056.099
			(6.339.292.045)			(15.555.312.198)

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ lần lượt 18% (31/12/2022: 90%), 43% (31/12/2022: 44%) và 36% (31/12/2022: 73%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của DCIP, DCBF và FUEDCMID.

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các quỹ được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các quỹ được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư vào các chứng chỉ quỹ của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được hợp nhất hay hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu niêm yết				
▪ Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	35.377.983.188	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	-	-	46.621.417.945	(304.446.915)
	35.377.983.188	-	46.621.417.945	(304.446.915)

Trái phiếu niêm yết do CII phát hành đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất 9,50%/năm (31/12/2022: trái phiếu niêm yết do KBC phát hành đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất 10,8%/năm).

**(c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	15.859.759.113	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(9.520.467.068)	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	15.859.759.113
Số dư cuối năm	6.339.292.045	15.859.759.113





**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (i)	84.661.609.810	74.974.015.948
<i>Trong đó:</i>		
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	84.661.609.810	74.974.015.948
Phải thu hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (i):	23.815.492.989	22.806.013.675
<i>Trong đó:</i>		
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	11.808.763.923	12.317.376.977
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30	4.079.353.674	4.231.178.902
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	2.565.305.150	2.140.847.415
▪ DCDS - Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	2.652.030.119	2.453.234.156
▪ DCBF - Quỹ đầu tư Trái phiếu DC	445.881.369	466.811.916
▪ DCDE - Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC	652.733.480	700.445.201
▪ DCIP - Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC	1.333.433.764	318.923.223
▪ FUEDCMID - Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	135.145.200	52.580.000
▪ PHUCAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Phúc An	24.515.534	44.740.117
▪ THINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Thịnh An	48.578.385	64.119.157
▪ VINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	69.752.391	15.756.611
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	587.668.868	437.224.640
<i>Trong đó:</i>		
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	587.668.868	437.224.640
	109.064.771.667	98.217.254.263

- (i) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	712.109.589	303.452.054
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	285.391.779	673.939.349
Đặt cọc cho hợp đồng dịch vụ phát triển phần mềm	2.667.493.362	-
Phải thu khác	327.476.200	275.500.000
	<b>3.992.470.930</b>	<b>1.252.891.403</b>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê văn phòng	6.200.729.730	6.154.723.650
Đặt cọc thuê nhà	504.625.700	504.625.700
Phải thu khác	206.510.000	227.270.000
	<b>6.911.865.430</b>	<b>6.886.619.350</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

<b>2023</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	9.106.548.772	2.765.458.763	11.872.007.535
Khấu hao trong năm	1.806.739.046	1.580.262.150	3.387.001.196
Số dư cuối năm	10.913.287.818	4.345.720.913	15.259.008.731
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	4.309.866.410	6.716.114.137	11.025.980.547
Số dư cuối năm	2.503.127.364	5.135.851.987	7.638.979.351

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

2022	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.165.909.798	9.481.572.900	20.647.482.698
Tăng trong năm	2.250.505.384	-	2.250.505.384
<hr/>			
Số dư cuối năm	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	7.561.201.147	1.185.196.613	8.746.397.760
Khấu hao trong năm	1.545.347.625	1.580.262.150	3.125.609.775
<hr/>			
Số dư cuối năm	9.106.548.772	2.765.458.763	11.872.007.535
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	3.604.708.651	8.296.376.287	11.901.084.938
Số dư cuối năm	4.309.866.410	6.716.114.137	11.025.980.547

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 6.379.351.068 VND (31/12/2022: 5.923.584.318 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.





**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	89.257.491.279	17.131.690.596
Tăng trong năm	-	502.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	68.367.492.515	71.623.600.683
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	157.624.983.794	89.257.491.279
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	12.956.805.277	9.086.308.307
Khấu hao trong năm	18.748.653.094	3.870.496.970
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	31.705.458.371	12.956.805.277
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	76.300.686.002	8.045.382.289
Số dư cuối năm	125.919.525.423	76.300.686.002
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 6.702.851.246 VND (31/12/2022: 2.693.213.046 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	13.746.102.699	33.802.980.889
Tăng trong năm	64.644.005.925	64.643.108.282
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(68.367.492.515)	(71.623.600.683)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b))	-	(12.718.885.789)
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(735.454.789)	(357.500.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.287.161.320	13.746.102.699

Chi tiết của xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>
Phần mềm quản lý chứng chỉ quỹ (“FNZ”)	4.265.602.018	-
Phần mềm quản lý đầu tư - Dịch vụ quản lý tài sản (“AMS”)	69.951.375	8.597.385.570
Phần mềm quản lý dữ liệu doanh nghiệp - hệ thống IRIS	-	1.735.756.691
Khác	4.951.607.927	3.412.960.438
	<hr/>	<hr/>
	9.287.161.320	13.746.102.699

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Giá gốc/Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Trái phiếu niêm yết được phát hành bởi:		
▪ Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	-	42.788.840.687
▪ Công ty Cổ Phần Chứng khoán VNDirect (VND)	-	18.885.125.111
	<hr/>	<hr/>
	-	61.673.965.798

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là trái phiếu niêm yết do CII và VND phát hành lần lượt đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024 và ngày 7 tháng 3 năm 2024 và có lãi suất từ 8,2% đến 9,5%/năm.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí thuê nhà và văn phòng	7.913.173.841	6.164.272.410
Chi phí bảo hiểm	138.757.263	123.905.186
Chi phí trả trước khác	2.596.288.691	1.766.098.058
	10.648.219.795	8.054.275.654

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

2023	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.656.790.265	18.974.359.082	32.631.149.347
Tăng trong năm	4.177.145.000	-	4.177.145.000
Phân bổ trong năm	(6.503.564.893)	(8.683.873.861)	(15.187.438.754)
Thanh lý	(57.427.028)	-	(57.427.028)
	11.272.943.344	10.290.485.221	21.563.428.565
	11.272.943.344	10.290.485.221	21.563.428.565
2022	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.202.269.465	16.605.464.756	20.807.734.221
Tăng trong năm	10.293.576.588	1.209.078.804	11.502.655.392
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.027.540.204	9.691.345.585	12.718.885.789
Phân bổ trong năm	(3.866.595.992)	(8.531.530.063)	(12.398.126.055)
	13.656.790.265	18.974.359.082	32.631.149.347
	13.656.790.265	18.974.359.082	32.631.149.347

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận*

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	29.297.669.863	16.515.596.671

**14. Tài sản dài hạn khác**

Tài sản dài hạn khác có số tiền gốc là 10 tỷ VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập 100% (31/12/2022: 100%) dự phòng đối với tài sản này.





**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Clickmedia	1.003.482.849	-
Moengage Inc	934.751.667	-
Công ty TNHH Beryl 8 Plus - Việt Nam	741.733.127	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Du Lịch		
Ánh Sao Thiên	-	2.050.350.460
GoldenSource Corporation	-	357.322.105
Các nhà cung cấp khác	3.424.623.378	2.015.964.694
	<b>6.104.591.021</b>	<b>4.423.637.259</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2022</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp/cán</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trừ trong năm</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.816.327.222	89.919.456.009	(92.861.460.734)	41.874.322.497
Thuế thu nhập cá nhân	13.225.431.646	104.986.944.871	(104.217.806.198)	13.994.570.319
Thuế nhà thầu nước ngoài	249.424.584	5.801.754.594	(5.682.238.041)	368.941.137
Thuế giá trị gia tăng	-	86.701.762	(86.701.762)	-
Các loại thuế khác	(10.548.044)	964.275.291	(964.275.291)	(10.548.044)
	<b>58.280.635.408</b>	<b>201.759.132.527</b>	<b>(203.812.482.026)</b>	<b>56.227.285.909</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng theo thành tích cho nhân viên	122.964.343.502	61.575.579.548
Phí giới thiệu	7.232.498.327	6.042.863.901
Phí tư vấn	2.175.642.876	2.626.150.618
Phí dịch vụ chuyên môn	492.475.611	826.600.000
Chi phí khác	3.623.114.401	1.506.789.285
	<b>136.488.074.717</b>	<b>72.577.983.352</b>

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông</b>			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	15.534.602	155.346.020.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	14.977.341	149.773.410.000	48,09
▪ Nhân viên công ty	630.000	6.300.000.000	2,03
	<b>31.141.943</b>	<b>311.419.430.000</b>	<b>100,00</b>

Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Vương Quốc Anh và Hồng Kông.

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm 2023 và 2022.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

## 19. Cổ tức

Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 của Công ty ngày 9 tháng 10 năm 2023, Công ty đã chia cổ tức với tổng số tiền là 280.277.487.000 VND, cụ thể như sau:

- Trong cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2022 với số tiền là 93.425.829.000 VND (3.000 VND/cổ phiếu).
- Trong cuộc họp ngày 3 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2022 với số tiền là 93.425.829.000 VND (3.000 VND/cổ phiếu).
- Trong cuộc họp ngày 9 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 3 năm 2022 với số tiền là 93.425.829.000 VND (3.000 VND/cổ phiếu).

## 20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	18.963.430.670	27.915.056.974
Trong vòng hai đến năm năm	21.094.658.556	21.333.094.052
	<u>40.058.089.226</u>	<u>49.248.151.026</u>

### (b) Ngoại tệ

	31/12/2023		31/12/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	55.134	1.328.174.928	38.346	898.436.704

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**21. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Các nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
Nhà đầu tư đứng tên		
D001 (i)	8.691.642.188	9.642.235.766
D002 (ii)	239.094.331	50.000.000
D003 (iii)	64.266.835	35.766.287
	8.995.003.354	9.728.002.053

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

**(i) D001**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	9.642.235.766	4.421.719.864
Tăng trong năm	383.186.837.747	440.423.974.155
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	43.652.035.000	60.990.884.500
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	-	53.000.000.000
Tiền thu từ bán cổ phiếu	336.692.342.957	325.583.920.525
Lãi tiền gửi đã nhận	231.109.590	-
Tặng khác	2.611.350.200	849.169.130
Giảm trong năm	(384.137.431.325)	(435.203.458.253)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	-	(56.000.000.000)
Tiền chi mua cổ phiếu	(367.825.489.233)	(360.326.329.216)
Nhà đầu tư ủy thác rút tiền	(12.853.673.300)	(16.001.356.541)
Tiền chi trả phí quản lý	(3.458.268.792)	(2.875.772.496)
Số dư cuối năm	8.691.642.188	9.642.235.766



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(ii) D002**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	50.000.000	-
Tăng trong năm	705.719.584.166	2.922.525.918.018
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	1.110.050.000.000
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	50.000.000	417.534.586.300
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	-	1.035.621.835.000
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	672.559.484.057	332.801.735.482
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	33.110.100.109	24.661.210.076
<i>Tăng khác</i>	-	1.856.551.160
Giảm trong năm	(705.530.489.835)	(2.922.475.918.018)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(702.921.727.358)	(282.506.755.917)
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(2.541.514.332)	(6.607.528.813)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	(417.000.000.000)
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	-	(1.134.555.657.275)
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	-	(1.078.704.466.757)
<i>Giảm khác</i>	(67.248.145)	(3.101.509.256)
Số dư cuối năm	239.094.331	50.000.000

**(iii) D003**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	35.766.287	26.147.953
Tăng trong năm	216.162.376.854	89.090.072.687
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	10.666.529.500	9.730.496.600
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	106.790.000.000	60.590.000.000
<i>Tiền thu từ rút chứng chỉ tiền gửi</i>	-	3.121.728.960
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	92.340.176.229	8.500.000.000
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	6.365.671.125	7.147.847.127
Giảm trong năm	(216.133.876.306)	(89.080.454.353)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	(96.830.000.000)	(74.740.000.000)
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	(107.716.837.482)	(12.517.817.138)
<i>Tiền chi mua chứng chỉ tiền gửi</i>	(9.000.000.000)	-
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(1.245.425.300)	(728.006.200)
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(1.341.613.524)	(1.094.604.214)
<i>Giảm khác</i>	-	(26.801)
Số dư cuối năm	64.266.835	35.766.287

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**22. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	146.530.583.857	102.205.876.975
Trái phiếu niêm yết	61.415.547.595	236.503.838.840
Trái phiếu chưa niêm yết	82.542.476.301	518.008.846.161
Tiền gửi có kỳ hạn	14.190.000.000	24.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	9.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>313.678.607.753</b>	<b>880.868.561.976</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2023		Dự phòng giảm giá VND	31/12/2022		Dự phòng giảm giá VND
			Giá thị trường VND	Giá gốc VND		Giá thị trường VND	Giá gốc VND	
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>								
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>								
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	176.050	14.701.953.607	16.918.405.000	-	110.000	7.842.732.560	8.459.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	268.000	11.915.887.204	11.470.400.000	(445.487.204)	170.000	8.054.691.382	7.293.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	120.000	9.960.550.417	11.328.000.000	-	40.000	2.523.657.817	2.356.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	268.000	6.717.419.513	7.490.600.000	-	200.000	3.102.516.305	3.600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	STB	230.000	5.930.652.914	6.428.500.000	-	210.000	4.093.046.713	4.725.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	PNJ	68.000	5.506.753.130	5.848.000.000	-	40.000	3.107.571.921	3.596.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	GMD	73.700	5.007.379.374	5.195.850.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần GEMADEPT	PVT	190.000	4.737.823.515	5.016.000.000	-	120.000	2.330.470.469	2.640.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVD	180.000	4.632.896.981	5.094.000.000	-	150.000	2.515.783.018	2.677.500.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	DGW	88.000	4.348.764.725	4.602.400.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Thế Giới Số	MBB	220.000	3.650.738.876	4.103.000.000	-	200.000	3.341.460.092	3.420.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	CTD	55.000	3.476.515.660	3.784.000.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	NKG	168.000	3.391.302.750	4.141.200.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	IDC	68.000	3.188.247.340	3.542.800.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	DPG	88.000	3.155.303.719	3.489.200.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	VGS	126.000	2.895.679.628	2.910.600.000	-	90.000	2.666.428.653	2.565.000.000
▪ Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG PIPE	HDC	84.000	2.779.264.885	2.742.600.000	(36.664.885)	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	TCH	188.000	2.454.095.630	2.481.600.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	NLG	71.900	2.427.900.311	2.635.135.000	-	110.000	2.712.352.434	3.410.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	VEA	68.000	2.321.181.693	2.339.200.000	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	DXG	128.000	2.317.929.951	2.476.800.000	-	180.000	2.016.096.112	2.295.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	SSI	100.000	2.225.239.838	3.280.000.000	-	140.000	2.397.217.282	2.478.000.000
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	BID	54.807	2.209.362.136	2.378.623.800	-	90.000	3.364.423.542	3.474.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	OCB	168.000	2.208.570.633	2.234.400.000	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	VCI	68.000	2.169.076.725	2.907.000.000	-	100.000	2.318.253.981	2.325.000.000
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt								

(CH) G N Z / (S)

11/15/2023







**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023				31/12/2022				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)</b>									
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>									
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	-	-	-	-	70.000	5.166.199.507	5.600.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	-	-	-	-	70.000	3.413.151.418	3.360.000.000	(53.151.418)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	-	-	-	-	120.000	2.823.348.678	3.180.000.000	-
▪ Tổng Công ty Khí Việt Nam	GAS	-	-	-	-	30.000	3.597.543.425	3.045.000.000	(552.543.425)
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	-	-	-	-	35.000	2.554.086.984	2.443.000.000	(111.086.984)
▪ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	-	-	-	-	55.000	2.173.242.708	2.362.250.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	-	-	-	-	30.000	2.028.131.083	2.070.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	-	-	-	-	75.000	2.173.515.194	1.987.500.000	(186.015.194)
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	-	-	-	-	80.000	1.672.344.004	1.752.000.000	-
▪ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	BCM	-	-	-	-	15.000	1.284.067.501	1.209.000.000	(75.067.501)
			<b>146.530.583.857</b>		<b>(846.474.487)</b>		<b>102.205.876.975</b>		<b>(2.256.698.660)</b>

0112  
 CHI  
 ÔNG  
 KI  
 PH

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu niêm yết	Mã số	31/12/2023			31/12/2022				
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>									
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	VNCII1210299	159.500	15.857.097.127	15.973.556.874	-	13.919.185.361	13.919.185.420	-	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	VNTNG1220171	150.000	15.002.398.232	15.248.749.350	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	VNMSN1210149	117.400	11.768.221.285	11.740.000.000	(28.221.285)	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VnDirect	VNVND1220133	100.000	10.001.006.024	10.001.276.400	-	-	-	-	
▪ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	VNVIC1230282	50.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	MSNH2023056	37.552	3.786.824.927	3.755.200.000	(31.624.927)	3.786.824.927	3.786.824.943	-	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CIII121029	-	-	-	-	109.159.269.863	109.159.600.000	-	
▪ Công ty Cổ phần TNG Holdings Việt Nam	TNG122017	-	-	-	-	60.975.600.000	62.653.648.512	-	
▪ Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	BAF122029	-	-	-	-	40.572.251.414	40.678.135.470	-	
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC121020	-	-	-	-	8.090.707.275	7.990.484.000	(100.223.275)	
			<b>61.415.547.595</b>		<b>(59.846.212)</b>	<b>236.503.838.840</b>		<b>(100.223.275)</b>	



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023				31/12/2022				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>									
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>									
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Địa ốc No Va	NVLH2124002	675.000	66.806.183.836	Chưa xác định	Chưa xác định	750.000	74.229.093.151	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH121011	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH122027	6	5.767.044.931	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDHH2225001	-	-	-	-	200	200.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBCH2123002	-	-	-	-	850.000	84.912.687.671	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Crescent Point Energy	CPGCH2225001	-	-	-	-	500	50.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2223005	-	-	-	-	45.000	45.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2224001	-	-	-	-	25.000	25.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	VN0DXG180323	-	-	-	-	120	12.007.713.969	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH140625	-	-	-	-	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR020223	-	-	-	-	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập Đoàn PCI	TP.PCI	-	-	-	-	34	3.400.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR021223	-	-	-	-	30	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VN0VDS150323	-	-	-	-	1.500	1.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			<b>82.542.476.301</b>				<b>518.008.846.161</b>		

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

		31/12/2023			31/12/2022			
Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>								
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>								
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	5.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	6	15.590.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15	9.190.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	5	8.560.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
		<b>14.190.000.000</b>				<b>24.150.000.000</b>		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>								
<b>Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên</b>								
▪ Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	9	9.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
		<b>9.000.000.000</b>				<b>880.868.561.976</b>		
		<b>313.678.607.753</b>						





**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Mệnh giá của các trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Danh mục do nhà đầu tư đứng tên</b>		
Trái phiếu chưa niêm yết	83.500.000.000	518.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	14.190.000.000	24.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	9.000.000.000	-
	106.690.000.000	543.050.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**23. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Danh mục do nhà đầu tư đứng tên</b>		
Phải thu trái phiếu đáo hạn	39.654.292.246	105.515.068.493
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	2.627.000.587	20.128.702.572
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	3.284.558.600	4.058.489.300
Phải thu từ bán chứng khoán	5.278.105.830	1.531.586.669
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	286.667.095	130.466.302
Cổ tức phải thu	-	200.500.000
	51.130.624.358	131.564.813.336

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**24. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Danh mục do nhà đầu tư đứng tên</b>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	587.668.868	437.224.640

**25. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	731.651.197.550	811.630.925.017
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	277.034.998.134	271.602.339.329
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	4.425.045.331	8.348.888.614
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	4.056.668.005	16.252.607.293
	<b>1.017.167.909.020</b>	<b>1.107.834.760.253</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVFA, VFMVSF, E1VFN30, FUEVFN30 và FUEDCMID là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí. Tất cả các quỹ này đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2023 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.506.409.920.896
DCDE	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013, Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Số 364/GCN-UBCK ngày 17 tháng 10 năm 2023	400.540.310.832
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	451.596.260.409
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.579.769.018.172
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	4.077.702.574.486
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	7.549.830.590.857
FUEVFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	17.261.394.813.137
FUEDCMID	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 40/GCN-UBCK ngày 23 tháng 8 năm 2022	207.768.762.041
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB- QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	24.534.911.684
PHUCAN	Quỹ mở		35.791.766.734
THINHAN	Quỹ mở		50.119.431.896

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVSF, FUEVFN30, E1VFN30, FUEDCMID, VINHAN, PHUCAN, THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCDE	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFN30	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEDCMID	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCDE	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEDCMID	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	14.270.127.667	5.787.308.565
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.221.051.432	11.286.509.483
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	4.862.130.243	9.561.353.486
Lãi từ bán cổ phiếu chưa niêm yết	2.728.889.986	-
Lãi từ bán trái phiếu doanh nghiệp	1.515.151.072	-
Cổ tức nhận được	-	1.108.464.256
	<b>30.597.350.400</b>	<b>27.743.635.790</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(9.520.467.068)	15.859.759.113
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.180.600.493	1.646.636.212
Phí ngân hàng	325.259.150	264.306.910
Chi phí tài chính khác	8.273.820	5.000.000
	<hr/>	
	(8.006.333.605)	17.775.702.235
	<hr/> <hr/>	

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	461.218.106.251	375.345.812.570
Chi phí thuê văn phòng	82.114.646.470	70.454.711.703
Chi phí giới thiệu khách hàng	30.149.115.873	25.221.994.266
Khấu hao và phân bổ	22.135.654.290	6.996.106.745
Phí công tác và phí đi lại	15.433.649.993	11.422.376.028
Phí dịch vụ chuyên môn	13.279.766.700	15.434.999.793
Chi phí tài trợ	11.579.418.055	5.640.765.000
Phí quảng cáo, phí đăng báo	8.732.481.137	17.923.473.771
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	8.417.112.957	8.241.273.699
Chi phí mua thông tin	6.603.897.931	4.783.644.328
Phí đào tạo và hội thảo	6.598.235.320	6.890.314.082
Chi phí chăm sóc khách hàng	5.031.530.204	4.566.655.615
Chi phí tiếp khách	3.919.998.011	3.798.230.356
Chi phí tuyển dụng	2.552.908.440	1.904.982.576
Chi phí khác	6.945.882.480	4.198.128.537
	<hr/>	
	684.712.404.112	562.823.469.069
	<hr/> <hr/>	

**29. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản khác	25.161.364	-
Phí đại diện	-	159.340.687
	<hr/>	
	25.161.364	159.340.687
	<hr/> <hr/>	

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Ủng hộ, tài trợ tiền cho Trung tâm Nghiên cứu Sức khỏe Cộng đồng và Phát triển (COHED) phòng chống dịch Covid-19	-	1.135.000.000

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> Năm hiện hành	89.919.456.009	95.046.146.303
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b> Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(12.782.073.192)	17.146.263.173
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>77.137.382.817</b>	<b>112.192.409.476</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	371.084.350.277	554.003.565.426
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	74.216.870.055	110.800.713.085
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.920.512.762	1.613.389.242
Thu nhập không bị tính thuế	-	(221.692.851)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>77.137.382.817</b>	<b>112.192.409.476</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Các quỹ do Công ty quản lý</b>					
▪ DCDS	Phí quản lý Phí mua lại	26.545.352.339 2.937.963.535	30.361.846.097 7.206.846.415	2.448.036.416 203.993.703	2.150.379.709 302.854.447
▪ DCDE	Phí quản lý Phí mua lại	7.224.851.511 765.255.794	10.096.964.343 2.593.396.543	627.991.682 24.741.798	623.122.739 77.322.462
▪ DCBF	Phí quản lý Phí mua lại	4.816.539.131 262.616.067	9.350.341.186 5.348.271.267	434.822.138 11.059.231	466.811.916 -
▪ DCIP	Phí quản lý Phí mua lại	5.515.241.531 76.912.887	5.449.200.185 1.066.453.160	1.333.433.764 -	318.017.401 905.822
▪ VFMVSF	Phí quản lý	28.517.578.893	34.086.872.049	2.565.305.150	2.140.847.415
▪ E1VFN30	Phí quản lý	52.301.259.229	53.543.365.598	4.079.353.674	4.231.178.902
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý	150.577.829.773	128.024.481.216	11.808.763.923	12.317.376.977
▪ FUEDCMID	Phí quản lý	782.362.218	190.453.320	135.145.200	52.580.000
▪ PHUCAN	Phí quản lý Phí mua lại	257.401.659 1.863.110	200.413.678 24.007.052	24.515.534 -	44.740.117 -

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
▪ THINHAN	Phí quản lý	426.856.896	276.243.474	48.578.385	64.119.157
	Phí mua lại	4.643.728	10.785.565	-	-
▪ VINHAN	Phí quản lý	69.752.391	22.158.185	69.752.391	15.756.611
	Phí mua lại	2.374.167	2.847.291	-	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>					
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	731.651.197.550	811.630.925.017	84.661.609.810	74.974.015.948



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**33. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 293.946.967.460 VND (2022: 441.811.155.950 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.141.943 cổ phiếu (2022: 31.141.943 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	293.946.967.460	441.811.155.950

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	31.141.943	31.141.943
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	31.141.943	31.141.943

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.439	14.187

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**34. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	350.000.000	350.000.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	678.000.000	740.000.000

**35. Các khoản thuế tiền ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc Công ty tin rằng họ đã xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải của họ về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

**36. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	175.138.381.611	77.798.893.097
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	(iii)	35.377.983.188	46.621.417.945
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	(iii)	-	61.673.965.798
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iv)	109.064.771.667	98.217.254.263
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	3.992.470.930	1.252.891.403
Phải thu dài hạn khác	(iv)	6.911.865.430	6.886.619.350
Tài sản dài hạn khác	(v)	10.000.000.000	10.000.000.000
		<b>340.485.472.826</b>	<b>302.451.041.856</b>

**(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín phát hành. Ban Giám đốc không nhận thấy rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ trái phiếu doanh nghiệp này và tin rằng các tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iv) Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn hoặc bị tổn thất tại các ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(v) Tài sản dài hạn khác**

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	6.104.591.021	6.104.591.021	6.104.591.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.523.731.215	13.523.731.215	13.523.731.215
Phải trả ngắn hạn khác	5.578.773.463	5.578.773.463	5.578.773.463
	<b>25.207.095.699</b>	<b>25.207.095.699</b>	<b>25.207.095.699</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	4.423.637.259	4.423.637.259	4.423.637.259
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.002.403.804	11.002.403.804	11.002.403.804
Phải trả ngắn hạn khác	4.305.844.029	4.305.844.029	4.305.844.029
	<b>19.731.885.092</b>	<b>19.731.885.092</b>	<b>19.731.885.092</b>



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng	2.138.381.611	6.198.893.097
Các khoản tương đương tiền	173.000.000.000	71.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.377.983.188	107.990.936.828
	210.516.364.799	185.789.829.925

**(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Bằng USD</b>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.328.174.928	898.436.704
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	84.661.609.810	74.974.015.948
	85.989.784.738	75.872.452.652

Nếu USD mạnh lên hoặc yếu đi 3% so với VND (31/12/2022: 4%) với tất cả các yếu tố khác không đổi thì mức tăng hoặc giảm tương ứng của lợi nhuận sau thuế sẽ là 2.063.754.834 VND (31/12/2022: 2.427.918.485 VND).



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Rủi ro giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá thị trường của chứng chỉ quỹ niêm yết do Công ty nắm giữ là 75.210.000.000 VND (31/12/2022: 55.890.000.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 35% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 15%) trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 21.058.800.000 VND (31/12/2022: 6.706.800.000 VND).

Rủi ro giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến chứng chỉ quỹ chưa niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết tại Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng các phương pháp thích hợp có tính đến nhiều yếu tố, điều đó có nghĩa là các khoản đầu tư chưa niêm yết này cũng chịu rủi ro về giá cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	35.377.983.188	38.066.013.488	107.990.936.828	107.990.936.828
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng chỉ quỹ	479.308.846.802	552.556.510.629	494.537.066.548	513.689.855.254
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết	9.316.347.955	(*)	9.747.394.350	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	175.182.514.811	175.182.514.811	77.912.790.881	77.912.790.881
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	109.064.771.667	109.064.771.667	98.217.254.263	98.217.254.263
▪ Phải thu ngắn hạn khác	3.992.470.930	3.992.470.930	1.252.891.403	1.252.891.403
▪ Phải thu dài hạn khác	6.911.865.430	6.911.865.430	6.886.619.350	6.886.619.350
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(6.104.591.021)	(6.104.591.021)	(4.423.637.259)	(4.423.637.259)
▪ Chi phí phải trả	(13.523.731.215)	(13.523.731.215)	(11.002.403.804)	(11.002.403.804)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(5.578.773.463)	(5.578.773.463)	(4.305.844.029)	(4.305.844.029)

(\*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Chứng khoán kinh doanh*

Đối với chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm đã niêm yết), giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM và doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên tiếp gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Các công cụ tài chính khác*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp  
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc





